

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**  
**THẨM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN**  
**Dự án hoàn thành không thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán**

Tên dự án: Đường Truong, xã Quảng Thái.

Mã dự án: 7560063

Nhóm dự án: C

Chủ đầu tư: UBND xã Quảng Thái.

Cấp quyết định đầu tư: UBND huyện Quảng Điền.

Địa điểm xây dựng: Xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền.

Quy mô công trình:

Được duyệt:

Bê tông hóa tuyến đường Truong có chiều dài 670m trong đó:

+ Mặt đường: BM=3,5m

+ Lề đường: Bl=2x0,75m

+ Nền đường Bn=5m

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2 %, độ dốc ngang lề đường:4%

+ Bê tông mặt đường dày 18cm, lè đắp đất cấp phối đầm chặt K95

- Công trình trên tuyến: 02 cống thoát nước bê tông D40 ly tâm.

Thực hiện:

- Theo quy mô thiết kế điều chỉnh được duyệt.

Bê tông hóa tuyến đường Truong có chiều dài 622,5m trong đó:

+ Mặt đường: BM=3,5m

+ Lề đường: Bl=2x0,75m

+ Nền đường Bn=5m

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2 %, độ dốc ngang lề đường:4%

+ Bê tông mặt đường dày 18cm, lè đắp đất cấp phối đầm chặt K95

- Công trình trên tuyến: 02 cống thoát nước bê tông D40 ly tâm.

Tổng mức đầu tư được duyệt: **1.458.823.000 đồng**

Thời gian KC - HT: Được duyệt: Năm 2016-2017

Thời gian KC - HT thực hiện: 01/6/2016– 15/10/2016 .

*Hôm nay, ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Quảng Điền, chúng tôi gồm có:*

**ĐẠI DIỆN PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH - CƠ QUAN THẨM TRA:**

- Ông: Nguyễn Đức Phong

Chức vụ: Phó trưởng phòng.

- Ông: Văn Hữu Lân

Chức vụ: Chuyên viên.

## ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ - UBND XÃ QUẢNG THÁI:

- Ông: Lê Ngọc Bảo  
- Bà: Hoàng Thị Kim Ngân

Chức vụ: Chủ tịch.  
Chức vụ: Kế toán ngân sách.

Trên cơ sở hồ sơ báo cáo quyết toán dự án hoàn thành kèm theo Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 07/6/2018 của Chủ đầu tư, cơ quan thẩm tra đã thực hiện thẩm tra theo đúng trình tự quy định. Căn cứ kết quả thẩm tra, hai bên đã đi đến thống nhất như sau:

### I. Các căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện thẩm tra:

- Căn cứ các Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về việc "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước";
- Căn cứ Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 27/07/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quyết định Ban hành Quy định về trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước tỉnh Thừa thiên Huế.
- Căn cứ các Nghị định, Thông tư và văn bản hướng dẫn có liên quan đến quản lý đầu tư, quyết toán công trình xây dựng hoàn thành;

### II. Thẩm tra hồ sơ pháp lý và các hợp đồng của dự án:

#### II.1. Hồ sơ pháp lý đã được ban hành theo thẩm quyền:

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	Tổng giá trị (nếu có)	So sánh với quy định của pháp luật		Ghi chú
					Phù hợp	Chưa phù hợp	
1	Quyết định phê duyệt BCKTKT	Số: 3453/QĐ-UBND, ngày 22/10/2015	UBND huyện Quảng Điền	1.458.823	x		
2	Quyết định phê duyệt KHLCT	Số: 366/QĐ-UBND, ngày 24/3/2016	UBND huyện Quảng Điền	1.458.823	x		

5	Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu xây dựng gói thầu : Toàn bộ phần xây lắp	Số: 56/QĐ-UBND, ngày 20/5/2016	UBND xã Quảng Thái	2.528.000	x		
6	Quyết định phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 01: Tư vấn Khảo sát, lập BCKTKT	Số: 57/QĐ-UBND, ngày 24/8/2015	UBND xã Quảng Thái	68.979	x		
7	Quyết định phê duyệt chỉ định thầu gói thầu: Tư vấn giám sát KT	Số: 56A/QĐ-UBND, ngày 20/5/2016	UBND xã Quảng Thái	30.064	x		
8	Quyết định phê duyệt chỉ định thầu gói thầu: Tư vấn Lập HSMT &ĐG HS ĐX;	Số: 35A/QĐ-UBND, ngày 06/4/2016	UBND xã Quảng Thái	2.348	x		
10	Quyết định phê duyệt chỉ định thầu gói thầu: Gói thầu tư vấn bảo hiểm công trình	Số: 57A/QĐ-UBND, ngày 05/6/2016	UBND xã Quảng Thái	3.520	x		

## II.2. Các Hợp đồng đã được ký kết:

Đơn vị: 1.000 đồng

S T T	Tên gói thầu	Ký hiệu, ngày, tháng, năm Hợp đồng	Nhà thầu hoặc nhà Tư vấn hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	So sánh với quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu	
							Phù hợp	Chưa phù hợp
1	Gói thầu Tư vấn Khảo sát và Lập BCKTKT	Số: 08/2015/HĐ TV ngày 25/8/2015	Công ty TNHH xây dựng Nhân Tín	68.979	CĐT	Không	x	
2	Gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây dựng	Số: 20/2016/HĐ -TV ngày 31/5/2016	Công ty TNHH xây dựng Khánh Quân	30.064	CĐT	Trộn gói	x	
4	Gói thầu Xây dựng	Số: 18/2016/HD -XL ngày 14/8/2014	Công ty TNHH Hùng Hậu	1.183.691	CĐT	Trộn gói	x	

5	Gói thầu Tư vấn lập HSMT & đánh giá HS ĐX:	Số: 16/2016/HĐ-TV ngày 06/4/2016	Công ty TNHH xây dựng Khánh Quân	2.348	CĐT	Trọn gói	x
6	Gói thầu: Tư vấn Thẩm tra thiết kế DT	Số: 18A/2014/T-T-KDH ngày 30/5/2014	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thừa Thiên Huế	10.174	CĐT	Trọn gói	x
7	Gói thầu tư vấn bảo hiểm công trình	Số: CCX/11074 50 ngày 10/8/2014	Công ty Bảo Minh Thừa Thiên Huế - Tổng công ty CP Bảo Minh	3.520	CĐT	Trọn gói	x

### II.3. Nhận xét đánh giá:

1. Việc chấp hành trình tự đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng cơ bản tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc chấp hành trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu cơ bản tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Sự phù hợp của việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu so với các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Tuy nhiên phần phát sinh xây dựng ngoài hợp đồng chủ đầu tư không ký phụ lục hợp đồng bổ sung theo quy định.

4. Việc chấp hành thời hạn lập và nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành: Chủ đầu tư đã lập và nộp báo cáo quyết toán chừa đúng với thời gian quy định hiện hành.

### III. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư:

#### III.1. Nguồn vốn:

Đơn vị: đồng

Tên nguồn vốn	Theo quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn được thông báo	Số vốn đã được giải ngân		
			Số chủ đầu tư quyết toán	Số sau khi thẩm tra	Chênh lệch (+,-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.458.823.000</b>	<b>1.326.016.000</b>	<b>1.326.016.000</b>	<b>1.326.016.000</b>	<b>0</b>
I.Vốn NSNN	1.458.823.000	1.326.016.000	1.326.016.000	1.326.016.000	
- NSTW, Tỉnh hỗ trợ (vốn CTMTQG GNBV)	1.326.016.000	1.326.016.000	1.326.016.000	1.326.016.000	
+ Năm 2016			960.000.000	960.000.000	
+ Năm 2017			325.564.000	325.564.000	
+ Năm 2018			40.452.000	40.452.000	
- NS huyện					
+ Tạm ứng chưa hoàn ứng					

+ NS huyện cấp (Tiền SD Đất)					
+ Năm 2018					
- NS xã Q.Thái (bao gồm huy động hợp pháp khác)	132.807.000				
2. Vốn NĐĐG					

### III.2. Nhận xét, đánh giá:

1. Sự phù hợp của cơ cấu vốn đầu tư thực hiện so với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức vốn đầu tư được duyệt: Phù hợp.
2. Sự chính xác về số liệu vốn thanh toán hàng năm của chủ đầu tư: Phù hợp

### IV. Thẩm tra chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

#### IV.1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi phí đầu tư	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán A-B	Kết quả thẩm tra		
				Số quyết toán	Tăng, giảm so với dự toán được duyệt	Tăng, giảm so với quyết toán A-B
1	2	3	4	5	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)
I	Đền bù GPMB					0
II	Xây dựng (bao gồm chi phí lán trại, nhà tạm)	1.184.143	1.183.691	1.147.370	-36.773	-36.321
III	Thiết bị				0	0
IV	Chi phí QLDA	24.099	24.099	24.099	0	0
V	Chi phí tư vấn đầu tư	98.353	98.353	98.353	0	0
1	Khảo sát, Lập BCKTKT	65.941	65.941	65.941	0	0
1.1	Khảo sát	33.084	33.084	33.084	0	0
1.2	Lập BCKTKT	32.857	32.857	32.857	0	0
2	Thẩm tra dự toán TKKT			0	0	0
3	Lựa chọn nhà thầu	2.348	2.348	2.348	0	0
4	Giám sát thi công XD	30.064	30.064	30.064	0	0
5	Thí nghiệm đối chứng		0	0	0	0
VI	Chi khác	19.227	19.873	19.873	646	0
1	Thẩm định BCKTKT và DT	2.538	2.538	2.538	0	0

PHÒNG  
TÀI CHÍNH  
HỒ CHÍ MINH

2	Thẩm định HSYC +Kết quả LCNT	2.000	0	0	-2.000	0
3	Bảo hiểm công trình	3.520	3.520	3.520	0	0
4	Chi phí quyết toán	4.577	13.815	13.815	9.238	0
5	Chi phí Kiểm toán	6.592		0	-6.592	0
<b>VII</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>133.001</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-133.001</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.458.823</b>	<b>1.326.016</b>	<b>1.289.695</b>	<b>-169.128</b>	<b>-36.321</b>

#### IV.2. Nhận xét, đánh giá:

**1- Thẩm tra chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; chi phí trả cho phần hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư:** Không.

**2- Thẩm tra chi phí xây dựng:**

a) Đánh giá tính tuân thủ các quy định về hợp đồng xây dựng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền phê duyệt: Đảm bảo theo quy định.

b) Đánh giá chi phí xây dựng công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công:

Chi phí xây dựng công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được tính theo tỷ lệ (%) trong gói thầu xây dựng chính (không lập thiết kế, dự toán riêng) đã áp dụng tỷ lệ phù hợp với quy định hiện hành.

c) Khối lượng trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư phù hợp với biên bản nghiệm thu khối lượng đã thực hiện.

\* Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức "trọn gói" (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

a) Phương thức điều chỉnh giá hợp đồng đã căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng đã quy định.

b) Đối với khối lượng điều chỉnh đã căn cứ theo biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

c) Trường hợp có phát sinh tăng giảm của hợp đồng thẩm tra: Không.

**3- Chi phí thiết bị:** Không.

**4- Chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn do chủ đầu tư thực hiện:**

- Việc áp dụng định mức để xác định tổng mức được trích của chi phí quản lý dự án phù hợp với định mức quy định.

**5- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình và chi phí khác:**

- Các Chi phí tư vấn tính theo định mức tỷ lệ % phù hợp với tỷ lệ % định mức được quy định tại thời điểm hiện hành.

**6- Nhận xét, đánh giá khác:** Đề nghị Chủ đầu tư quan tâm trong việc lập báo cáo quyết toán công trình và mua theo quy định.

**V. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản: Không.**

**VI. Thẩm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:**

**VI.1. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:**

Đơn vị: đồng

STT	Nhóm tài sản	Số chủ đầu tư quyết toán	Số sau khi thẩm tra	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
	<b>Tổng số</b>	<b>1.326.016.000</b>	<b>1.289.695.000</b>	<b>-36.321.000</b>
1	Tài sản dài hạn (cố định)	1.326.016.000	1.289.695.000	-36.321.000
2	Tài sản ngắn hạn	0	0	0

### VI.2. Nhận xét, đánh giá:

1. Phù hợp về số lượng và giá trị tài sản hình thành qua đầu tư của dự án, công trình hoặc hạng mục công trình độc lập do chủ đầu tư xác định.

2. Việc phân bổ chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác chung của toàn dự án cho từng tài sản cố định là phù hợp.

3. Việc quản lý bàn giao tài sản cho đơn vị sử dụng: Đảm bảo theo quy định.

### VII. Thẩm tra xác định công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng:

#### VII.1. Cân đối nguồn vốn:

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nguồn vốn	Tổng giá trị quyết toán được duyệt	Kế hoạch vốn đã được bố trí	Số vốn đã thanh toán, giải ngân	Kế hoạch vốn đã bị hủy bỏ	Thừa, thiếu vốn (+,-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)-(5)
1	Vốn ngân sách Nhà nước. Trong đó:	<b>1.289.695</b>	<b>1.326.016</b>	<b>1.326.016</b>		<b>-36.321</b>
	-Ngân sách TW, Tỉnh hỗ trợ (Vốn CTMTQG GNBV)	1.289.695	1.326.016	1.326.016		0
	+ Năm 2016			960.000		
	+ Năm 2017			325.564		0
	+ Năm 2018			40.452		
	-Ngân sách Tỉnh và các nguồn hợp pháp khác					
	-Ngân sách huyện					
	Trong đó: Tạm ứng chưa thanh toán					
	-Ngân sách xã Quảng Thái và vốn huy động do xã quản lý					
2	Vốn Nhân dân đóng góp					0
3	Vốn TD ĐTPT của Nhà nước					
4	Vốn TD Nhà nước bảo lãnh					
5	Vốn ĐTPT của đơn vị					
6	Vốn khác					

### VII.2. Công nợ phải thu, phải trả:

Đơn vị: 1.000 đồng

T T	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung, công việc, hợp đồng thực hiện	Phải thu		Phải trả		Chênh lệch (+,-)
			Số chủ đầu tư quyết toán	Số sau khi thẩm tra	Số chủ đầu tư quyết toán	Số sau khi thẩm tra	
	Tổng cộng		0	36.321	0	36.321	36.321
	Cân đối vốn sau khi quyết toán		0	36.321	0	36.321	36.321
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Hậu	Thu hồi kinh phí do thanh toán thừa	0	36.321			
2	Ngân sách nhà nước huyện	Thu hồi kinh phí đơn vị nộp vào ngân sách nhà nước			0	36.321	

Nguyên nhân tăng, giảm:

- + Giám: Chi phí thi công xây dựng công trình giảm do chiết tính khối lượng bê tông thi công thực tế theo bản vẽ hoàn công.
- + Tăng: Không

**VII.3. Kiểm tra, xác định giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng:** không

**VIII. Thẩm tra tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán:** Không.

**IX. Kết luận và kiến nghị:**

- Đề nghị Chủ đầu tư kiểm tra công nợ còn lại trước khi đơn vị thẩm tra trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
- Đề nghị Chủ đầu tư có báo cáo giải trình (kèm theo các hồ sơ tài liệu có liên quan) các nội dung chưa thống nhất tại biên bản này (nếu có) và gửi về phòng Tài chính Kế hoạch huyện trước ngày 17/12/2019. Sau thời hạn nói trên nếu không có phản hồi nào xem như đơn vị đã thống nhất số liệu nói trên Phòng sẽ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.
- Đề nghị Chủ đầu tư thu hồi kinh phí do thanh toán thừa để nộp vào ngân sách nhà nước huyện theo quy định.
- Đề nghị chủ đầu tư tổ chức quản lý, bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
- Kính đề nghị Lãnh đạo huyện xem xét phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo nội dung và số liệu đã được thống nhất tại Biên bản này.



Chúng tôi thống nhất theo nội dung và số liệu của Biên bản này và cùng ký tên dưới đây. Biên bản được lập thành 03 bản, Chủ đầu tư giữ 01 bản, Phòng Tài chính Kế hoạch huyện giữ 02 và có giá trị pháp lý như nhau./.

**Đại diện cơ quan thẩm tra**  
**PHÒNG TÀI CHÍNH - KH**  
Chuyên viên **Phó trưởng phòng**

**Đại diện Chủ đầu tư**  
**UBND XÃ QUẢNG THÁI**  
Chủ tịch                      Kế toán ngân sách



**Văn Hữu Lân**

**Nguyễn Đức Phong**

**Lê Ngọc Bảo**

**Hoàng Thị Kim Ngân**

